

Quan niệm về chữ “trinh”

Trần Cao Sơn*

Chữ “trinh” (trinh tiết, trinh bạch, trinh trắng) là một vấn đề nhạy cảm, thu hút sự chú ý của biết bao nhiêu người, bao nhiêu thế hệ, xưa và nay, truyền thống và hiện đại. Trinh là một tiêu chí đánh giá con người trước sức cám dỗ; là cuộc chiến giữa lý trí, tình cảm mang *đặc trưng người*. Trinh còn được hiểu rộng hơn, phong phú hơn và đạt đến mức thăng hoa, vượt khỏi cái nội dung thông thường, bao hàm mọi sự trong trắng, tinh khôi, đức hạnh và tiết tháo của người phụ nữ nói chung, kể cả khi cái trinh vật thể ấy còn, cũng như khi nó đã bị mất.

Quan niệm về chữ “trinh” trong quá khứ

Trong lịch sử Việt Nam, những nguyên tắc Khổng giáo như tam tòng (tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử), tứ đức (công, dung, ngôn, hạnh) đối với người phụ nữ là một trong những nội dung khá điển hình, trở thành vòng cương tỏa lâu bền suốt cả chục thế kỷ. Xuất phát từ tình yêu và hạnh phúc đích thực, con người Việt Nam, người phụ nữ Việt Nam đã sử dụng, chấp nhận những tư tưởng ấy một cách có chọn lọc, mang tâm hồn và phong cách nhân văn Việt Nam. Những nhận thức và hành động máy móc, rập khuôn dẫn đến thái quá (như cố tình ép xác thờ chồng để được tiếng là “tiết hạnh khả phong”) cũng không phải tiêu chuẩn đạo lý đích thực. Hoặc ngược lại, có những người quá tự do (cho rằng “Lẳng lơ chết cũng thành ma/ Chính chuyên chết cũng tha ra ngoài đồng”) cũng không đại diện cho tư tưởng này.

Tiết hạnh là một tiêu chuẩn đạo đức thiêng liêng, đáng trân trọng nhưng người Việt Nam không tuyệt đối hóa đến mức hà

khắc. Ở một số nước, việc đánh giá về người phụ nữ (có chung thủy với chồng hay không và có đáng được tôn trọng hay không) phải chờ sau khi cải táng. Theo họ, người phụ nữ mỗi khi quan hệ tình ái với một người đàn ông sẽ để lại một nốt đen trên xương chậu (“Ba năm cải cát di hình/ Xương bao nhiêu nốt thì tình bấy nhiêu”). Tính theo nốt dấu ấy là xác định được số người đàn ông đã chung đụng về thể xác. Dấu ấn ấy bền chặt và chỉ khi cải táng mới xác định được. Trong nhiều trường hợp khi thấy trên hài cốt người phụ nữ có nhiều nốt đen, những người thân (như chồng, con) đã nhân tâm đồ ngay xương ấy đi, không thờ cúng nữa, vì cho rằng người phụ nữ này đã mang tội lớn không đoan chính, không chung thủy. Người Việt Nam không có cách xử nghiệt ngã như vậy.

Một trong những quan niệm điển hình về trinh truyền thống là quan niệm của Nguyễn Du. Thông qua thân phận nàng Kiều trong Truyện Kiều, Nguyễn Du đã biểu đạt tài tình khái niệm trinh với cả nghĩa cụ thể và nghĩa trừu tượng. Xuyên suốt tư tưởng của Nguyễn Du về chữ trinh là khái niệm về sự thủy chung, son sắt trong tình yêu, trong đạo phu thê. Mặc dù trải qua mười lăm năm chìm nổi (những “cuộc say đầy tháng, trận cười suốt đêm”, những cảnh “lá gió cành chim”, “sớm đưa Tống Ngọc tới tìm Trường Khanh”, cái trinh vật thể đã bay biến tự bao giờ, nhưng chữ trinh của tấm lòng thì vẫn vẹn nguyên phẩm giá (“Chữ

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. ĐT: 01649868960. Email: trancaoson102@gmail.com.

trình có ba bảy đường/ Có khi biến có khi thường/ Có quyền nào phải một đường chấp kinh/ Như nàng lấy hiếu làm trinh”). Trình vật thể tuy bị xâm hại, bị tước đoạt, bị mất, nhưng *trinh bạch*, tiết hạnh vẫn nguyên suong như ngày nào.

Ngược dòng thời gian nghìn năm trước chúng ta gặp lại tấm gương ngời sáng trong việc sử dụng chữ trinh ở mức mạnh mẽ và hiệu quả hơn, đó là Thái Hậu Dương Vân Nga thời Đinh - Lê. Cho dù vào thời đó, sự nghiệt ngã Khổng giáo chưa chiếm địa vị thống trị như sau này đi nữa thì yêu cầu chung thủy, đoan chính của người phụ nữ đã có chồng vẫn là một khuôn thước của đạo lý, nhất là đối với một “mẫu nghi thiên hạ” như Dương Vân Nga. Trong hoàn cảnh đất nước lâm nguy ngàn cân treo sợi tóc, Dương Vân Nga đã mạnh dạn kết duyên với Lê Hoàn để cùng lo việc nước. Cũng nhờ vậy vận mệnh dân tộc được bảo toàn. Đúng là: “Hai triều vua hai đời chồng/ Bê đôi tiết hạnh thấm hồng nước non”.

Hình ảnh Thị Mầu, biểu tượng người con gái Việt Nam xa xưa với nỗi đam mê tình yêu vẫn sống mãi. Đối với Mầu, ở đâu có nam, có nữ thì ở đó có tình yêu, kể cả nơi ấy là chùa chiền, cửa Phật, bất kể người đó là sư, là tiểu. Thị Mầu sống mãi trên sân chèo trong sự cảm thông của muôn đời vì khát vọng tình yêu và cuộc đấu tranh vì tình yêu.

Những thí dụ nêu trên đây nói lên rằng, chữ trinh trong văn hóa truyền thống của người Việt Nam không hoàn toàn như quan niệm của Nho giáo, chữ trinh có cả nội dung là quyền được yêu, được hạnh phúc. Khái niệm về *trinh* chỉ có nghĩa khi tình yêu và hạnh phúc được công nhận và thỏa mãn một cách chân chính.

Quan niệm về chữ “trinh” hiện nay

Trong cuộc điều tra trên 1.033 học sinh phổ thông trung học lớp 10 - 12 tại 8 tỉnh, thành phố, khi được hỏi về vấn đề quan hệ tình dục trước hôn nhân thì có 870 em

(chiếm 84,2% số được hỏi) trả lời là không nên, chỉ có 150 em (14,5%) trả lời là có thể quan hệ và 13 em (1,3%) trả lời là còn trong trạng thái phân vân.

Về lý do chưa nên quan hệ tình dục, 53,2% em trả lời là chưa nghĩ đến, 22,3% em trả lời là không muốn, chỉ có một tỷ lệ nhỏ em trả lời là sợ lây bệnh (1,8%), sợ có thai (0,6%) và không có cơ hội (0,6%). Đặc biệt có tới 21,3% trả lời là muốn giữ gìn trinh trắng.

Như vậy, tỷ lệ 84,2% các em ở tuổi sung sức này trả lời không nên quan hệ tình dục trước hôn nhân là điều đáng chú ý. Dù là lý do nào đi nữa thì câu trả lời cũng xuất phát từ ý nghĩ độc lập chủ quan của họ, vì đây chỉ là câu trả lời biểu lộ quan điểm.

Đặc biệt, tỷ lệ 21,3% các em trả lời không muốn quan hệ tình dục trước hôn nhân vì muốn giữ gìn trinh trắng đã kéo chúng ta trở lại cái giá trị đạo đức cội nguồn mà các thế hệ đi trước đã tạo dựng và giáo dục cho họ. Thế là, *chữ trinh* không chỉ trong quá khứ, không chỉ ở truyền thống, *chữ trinh* vẫn đang hiện diện trong thế hệ trẻ hôm nay. Quan niệm ấy đang là một tiêu chuẩn đạo đức trong suy nghĩ của họ. Chúng ta trân trọng quan niệm quý báu này.

Sự giữ gìn trinh trắng của thế hệ trẻ là vốn đạo đức quý giá. Còn gì hạnh phúc hơn, thiêng liêng hơn khi đôi uyên ương vẹn nguyên trinh trắng trao tặng nhau cái quý giá nhất bao công sức gìn giữ nâng niu.

Sự vẹn toàn đó không chỉ dừng lại ở giá trị tinh thần đạo đức, mà còn ở giá trị thể chất, sức khỏe. Thế hệ con cái của những cha mẹ sống biết giữ gìn, biết trân trọng chắc chắn sẽ khỏe mạnh, an toàn hơn những người buông thả, tùy tiện. Đặc biệt họ sẽ tạo tập một cách tự nhiên nhân cách cho chúng trong thế ứng xử về tình yêu và hôn nhân sau này. Chúng ta thấy vui, thấy đẹp vì không ít người vẫn còn nâng niu, trân trọng *chữ trinh* từ nghìn xưa để lại.

